

BẢO HIỂM SỨC KHỎE CAO CẤP LIBERTY HEALTHCARE

(GÓI DOANH NGHIỆP VÀ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN)

THÔNG TIN BẢO HIỂM		CHƯƠNG TRÌNH H1 CLASSIC (Dành cho 6 tuổi - 17 tuổi)	CHƯƠNG TRÌNH H2 EXECUTIVE (Dành cho 6 tuổi - 17 tuổi)	CHƯƠNG TRÌNH H3 PREMIER (Dành cho 6 tuổi - 17 tuổi)
A	PHÍ BẢO HIỂM NỘI TRÚ VÙNG 4 (Quyền lợi nội trú)	9.433.000 đồng/năm	11.201.000 đồng/năm	15.327.000 đồng/năm
B	PHÍ BẢO HIỂM NGOẠI TRÚ VÙNG 4 (Được áp dụng khi mua kèm với quyền lợi nội trú)	14.089.000 đồng/năm	14.089.000 đồng/năm	14.089.000 đồng/năm
C	PHÍ BẢO HIỂM NHA KHOA (Được áp dụng khi mua kèm quyền lợi ngoại trú)	7.632.000 đồng/năm	7.632.000 đồng/năm	7.632.000 đồng/năm
D	ĐIỂM KHÁC BIỆT CỦA LIBERTY	<ul style="list-style-type: none"> - Không giới hạn số lần khám bệnh và chi phí cho mỗi lần khám - Không giới hạn chi phí nằm viện và số ngày điều trị - Không áp dụng thời gian chờ cho các bệnh đặc biệt - Miễn phí kiểm tra sức khỏe định kỳ/chích ngừa 	<ul style="list-style-type: none"> - Không giới hạn số lần khám bệnh và chi phí cho mỗi lần khám - Không giới hạn chi phí nằm viện và số ngày điều trị - Không áp dụng thời gian chờ cho các bệnh đặc biệt - Miễn phí kiểm tra sức khỏe định kỳ/chích ngừa 	<ul style="list-style-type: none"> - Không giới hạn số lần khám bệnh và chi phí cho mỗi lần khám - Không giới hạn chi phí nằm viện và số ngày điều trị - Không áp dụng thời gian chờ cho các bệnh đặc biệt - Miễn phí kiểm tra sức khỏe định kỳ/chích ngừa
E	CHÍNH SÁCH GIẢM PHÍ	Giảm 5% cho gia đình 3 thành viên trở lên Giảm 10% cho nhóm từ 5-10 người Giảm 15% cho nhóm từ 11-30 người Giảm 20% cho nhóm từ 31-50 người	Giảm 5% cho gia đình 3 thành viên trở lên Giảm 10% cho nhóm từ 5-10 người Giảm 15% cho nhóm từ 11-30 người Giảm 20% cho nhóm từ 31-50 người	Giảm 5% cho gia đình 3 thành viên trở lên Giảm 10% cho nhóm từ 5-10 người Giảm 15% cho nhóm từ 11-30 người Giảm 20% cho nhóm từ 31-50 người
F	PHẠM VI BẢO HIỂM VÙNG 4	Toàn cầu (trừ Mỹ và Canada)	Toàn cầu (trừ Mỹ và Canada)	Toàn cầu (trừ Mỹ và Canada)
G	THỜI HẠN BẢO HIỂM	1 năm	1 năm	1 năm
H	LOẠI THẺ	<i>Thẻ bảo lãnh nội trú, ngoại trú</i>	<i>Thẻ bảo lãnh nội trú, ngoại trú</i>	<i>Thẻ bảo lãnh nội trú, ngoại trú</i>

I	QUYỀN LỢI NỘI TRÚ: Chi phí bảo hiểm tối đa	đến 2.200.000.000 đồng/năm	đến 6.600.000.000 đồng/năm	đến 22.000.000.000 đồng/năm
	Tất cả chi phí nằm viện: Bao gồm chi phí phẫu thuật, phòng mổ, trang thiết bị phẫu thuật, nghiên cứu, chăm sóc y tế,... Tiền phòng và ăn uống - theo ngày Phòng săn sóc đặc biệt - theo ngày Phòng cho người nhà - theo ngày	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa trong đó Phòng đơn tiêu chuẩn đến 5.500.000/ngày 16.500.000/ngày 2.200.000/ngày	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa trong đó Phòng đơn tiêu chuẩn đến 7.150.000/ngày 16.500.000/ngày 3.960.000/ngày	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa trong đó Phòng đơn tiêu chuẩn Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Điều trị ung thư: Điều trị nội trú hoặc điều trị trong ngày tại bệnh viện <i>(Tối đa cho một năm hợp đồng)</i>	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Điều trị trong ngày: Nhập viện nhưng không ở qua đêm tại bệnh viện <i>(Tối đa cho một năm hợp đồng)</i>	110.000.000/năm	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Dịch vụ xe cấp cứu: Dịch vụ vận chuyển cấp cứu đường bộ cần thiết đến và từ bệnh viện tới địa phương	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Chi phí cấy ghép bộ phận: Đối với thận, tim gan và tủy xương <i>(Tối đa cho từng bệnh lý hay thương tật)</i>	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Chi phí điều trị trước và sau khi nằm viện: Chi phí ngoại trú trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện và 90 ngày sau khi xuất viện <i>(Tối đa cho mỗi lần nằm viện)</i>	33.000.000/lần	44.000.000/lần	110.000.000/lần
	Điều trị tại khoa cấp cứu: Phòng cấp cứu của bệnh viện trong thời gian không quá 24 giờ	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Y tá chăm sóc tại nhà: Tối đa 182 ngày cho một năm hợp đồng	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Tâm lý trị liệu: Tối đa là 30 ngày nằm viện cho một năm hợp đồng, sau 24 tháng chờ <i>(Tối đa cho một năm hợp đồng)</i>	KHÔNG ÁP DỤNG	KHÔNG ÁP DỤNG	220.000.000/năm
	Điều trị nha khoa khẩn cấp: Ngay sau khi tai nạn xảy ra với điều kiện răng chữa trị phải trong tình trạng tốt và là răng thật <i>(Tối đa cho một năm hợp đồng)</i>	220.000.000/năm	440.000.000/năm	1.100.000.000/năm
	AIDS/HIV: Xảy ra trong thời gian hiệu lực hợp đồng, bao gồm những năm tái tục và xuất hiện sau khi hợp đồng liên tục trong 5 năm kể từ ngày hiệu lực đầu tiên	10% chi phí bảo hiểm tối đa/suốt đời	10% chi phí bảo hiểm tối đa/suốt đời	10% chi phí bảo hiểm tối đa/suốt đời
	Vận chuyển y tế cấp cứu/Hồi hương	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa

	Vận chuyển thi hài về quê quán	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Trợ cấp thăm bệnh	1 vé bay hai chiều hạng phổ thông	1 vé bay hai chiều hạng phổ thông	1 vé bay hai chiều hạng phổ thông
	Đưa trẻ em về quê quán	1 vé bay một chiều hạng phổ thông	1 vé bay một chiều hạng phổ thông	1 vé bay một chiều hạng phổ thông
K	QUYỀN LỢI NGOẠI TRÚ: Chi phí bảo hiểm tối đa	đến 110.000.000 đồng/năm	đến 110.000.000 đồng/năm	Toàn bộ trong chi phí bảo hiểm tối đa
	Điều trị ngoại trú tổng quát	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Điều trị ngoại trú chuyên khoa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Xét nghiệm và chụp X-quang (Theo chỉ định của bác sĩ)	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Thuốc theo đơn kê (Theo chỉ định của bác sĩ)	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Chi phí chữa trị Đông y, nắn xương & châm cứu đông y Tối đa 10 lần điều trị trong năm	990.000/một lần điều trị	990.000/một lần điều trị	990.000/một lần điều trị
	Vật lý trị liệu và nắn xương khớp (Theo chỉ định của bác sĩ) Tối đa 15 lần điều trị trong năm	1.320.000/một lần điều trị	1.320.000/một lần điều trị	1.320.000/một lần điều trị
	Liệu pháp thay thế nội tiết tố Tối đa cho một năm hợp đồng	44.000.000/năm	44.000.000/năm	44.000.000/năm
	Kiểm tra sức khỏe định kỳ/chích ngừa/khám sức khỏe cho việc cấp giấy phép lao động Tối đa cho một năm hợp đồng	3.000.000/năm	3.000.000/năm	3.000.000/năm
L	CHĂM SÓC NHA KHOA: Chi phí bảo hiểm tối đa	đến 33.000.000 đồng/năm	đến 33.000.000 đồng/năm	đến 33.000.000 đồng/năm
	Kiểm tra răng định kỳ: Bao gồm cạo vôi & đánh bóng (Tối đa cho một năm hợp đồng)	2.200.000/lần trong năm	2.200.000/lần trong năm	2.200.000/lần trong năm
	Quyền lợi nha khoa cơ bản: Nhổ răng, trám amalgam, chụp X-quang, lấy cao răng	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Quyền lợi nha khoa chủ yếu: Nhổ răng mọc bất thường, lấy tuỷ, cắt u răng, cắt cuống răng	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa
	Quyền lợi nha khoa chủ yếu Sau 9 tháng được bảo hiểm: Nhổ răng mọc bất thường, lấy tuỷ, cắt u răng, cắt cuống răng Sau 12 tháng được bảo hiểm: Mão sứ, cầu răng, răng giả	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa	Toàn bộ chi phí bảo hiểm tối đa